

Phát triển chuỗi giá trị chè: Thực trạng và giải pháp

NGUYỄN CÔNG BIÊN*

Việt Nam nằm trong top 5 nước xuất khẩu chè lớn nhất thế giới. Mặc dù vậy, hiện nay cây chè mới chỉ dừng lại ở vai trò là cây xóa đói giảm nghèo, chứ chưa thật sự giúp người nông dân làm giàu. Để cải thiện đời sống cho người nông dân, nâng cao giá trị sản phẩm chè Việt Nam, ngành chè đang đứng trước yêu cầu hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHÈ THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Việt Nam là nước sản xuất chè lớn thứ 7 và xuất khẩu chè lớn thứ 5 toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê, tính đến hết năm 2017, chè được trồng tại 28 tỉnh/thành với diện tích 129,3 nghìn hecta và sản lượng 1.040,8 nghìn tấn (Bảng). Còn theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, năm 2017, lượng chè xuất khẩu đạt 139,8 nghìn tấn với kim ngạch 228 triệu USD, tăng 6,8% về lượng và 4,9% về trị giá so với năm 2016; giá xuất khẩu chè bình quân đạt 1.630,6 USD/tấn. Trong 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu chè ước đạt 58.000 tấn, kim ngạch đạt 94 triệu USD. Sản phẩm chè của Việt Nam đã xuất khẩu tới 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Các thị trường xuất khẩu chính của chè Việt Nam là Pakistan, Đài Loan, Nga, Trung Quốc...

Nhiều vùng chè cho năng suất cao và chất lượng tốt, nổi tiếng trong nước có thể kể đến, như: Tân Cương (Thái Nguyên), Mộc Châu (Sơn La), Bảo Lộc (Lâm Đồng)... Các sản phẩm chè ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại, đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng trong và ngoài nước, bao gồm: chè sao lãn, chè xanh, chè Ô Long, chè Hương, chè Thảo dược... Thời gian qua, các doanh nghiệp sản xuất đã bắt đầu định hướng sản xuất chè bền vững đạt các chứng nhận quốc tế, đó là: Organic, Rainforest Alliance, Fairtrade...

Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực, chè Việt đang có mức giá rất thấp. Hơn nữa, chè Việt Nam hiện mới chỉ xuất

khẩu chủ yếu dưới dạng nguyên liệu, thương hiệu vẫn còn hạn chế và chưa tiếp cận mạnh mẽ các thị trường lớn, có giá trị gia tăng cao. Đơn cử như EU là thị trường nhập khẩu chè lớn trên thế giới, nhưng thị phần chè của Việt Nam sang thị trường này lại rất ít. Năm 2017, EU nhập khẩu chè với trị giá đạt 208,3 triệu Euro, song thị phần nhập khẩu chè từ Việt Nam chỉ chiếm 0,5% tổng trị giá nhập khẩu chè của EU (Nguyễn Minh, 2018). Nguyên nhân là do cách thức trồng, chế biến chè hiện không tuân thủ tiêu chuẩn, không đảm bảo an toàn thực phẩm và chất lượng chè chưa tốt.

Trong bối cảnh đó, việc đẩy mạnh liên kết, sản xuất theo chuỗi có ý nghĩa rất quan trọng đối với ngành chè Việt Nam. Để thực hiện thành công việc đưa số lượng lớn nông hộ tham gia chuỗi sản xuất, cung ứng chè bền vững, Hiệp hội Chè Việt Nam đã và đang triển khai hai dự án: “Thúc đẩy các nông hộ chè tham gia vào chuỗi cung ứng chè bền vững và chất lượng” do Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững Hà Lan, Tập đoàn Unilever và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tài trợ; “Chất lượng và bền vững của ngành chè Việt” do Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững Hà Lan tài trợ 40% kinh phí, 60% kinh phí còn lại do các doanh nghiệp tham gia đóng góp.

Các dự án trên giúp tăng cường pháp luật về kiểm soát hóa chất nông nghiệp, phát triển bộ tài liệu quốc gia về sản phẩm chè bền vững (NSC); xây dựng và đào tạo năng lực cho nông dân trồng chè và sử dụng đúng hóa chất nông nghiệp; cung cấp các hỗ trợ cho các nhà máy loại A thông qua việc cải thiện các hệ thống đánh giá nhà máy tại Việt Nam. Đồng thời, tiến hành

BẢNG: DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CÁC NĂM

	2010	2014	2015	2016	2017
Diện tích gieo trồng (Nghìn hecta)	129,9	132,6	133,6	133,4	129,3
Sản lượng (Nghìn tấn)	834,6	981,9	1.012,9	1.033,6	1.040,8

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám Thống kê năm 2017

* ThS., Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An | Email: congbien678@gmail.com

xây dựng và áp dụng mô hình Agri-team (đội bảo vệ thực vật tập trung) giúp doanh nghiệp kiểm soát việc sử dụng thuốc tại vùng trồng chè, tư vấn cho doanh nghiệp về loại thuốc thay thế đúng, thường xuyên cập nhật tình hình tại các thị trường lớn và các vấn đề liên quan đến kỹ thuật nông nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp mua đồ bảo hộ bình phun đúng, kiểm tra dư lượng tại các phòng thí nghiệm quốc tế trước và sau khi phun thử thuốc thử nghiệm, hỗ trợ mua thuốc đúng.

Mặc dù được Nhà nước và các tổ chức quốc tế hỗ trợ, song các chuỗi giá trị sản xuất chè ở nước ta hiện nay vẫn còn ít. Để có được sản phẩm chè thành phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng, cần qua rất nhiều công đoạn, như: trồng, chăm bón, thu hái, sơ chế, chế biến thành phẩm, bảo quản, đóng gói, xúc tiến thị trường... Cho đến nay, chỉ một bộ phận nhỏ nông dân trồng và sản xuất chè tham gia vào các công đoạn sản xuất, kinh doanh nói trên. Nông dân chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế và sản phẩm vẫn còn khá thô, chưa phải là thành phẩm cao cấp. Các hộ trồng chè chưa tham gia hoạt động nào trong chuỗi cung ứng chè và thường trồng, tiêu thụ chè một cách tự phát, độc lập. Các công đoạn sau, gồm: chế biến thành phẩm chất lượng cao, đóng gói bảo quản, làm thương hiệu, tiêu thụ, thì phụ thuộc nhiều vào tư thương, cơ sở thu mua, hay các nhà xuất khẩu. Hơn nữa, doanh nghiệp chủ yếu thu mua một cách thụ động, chưa có sự thỏa thuận với các hộ dân để có được nguồn nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và an toàn về số lượng đặt hàng cho doanh nghiệp.

Lấy ví dụ tỉnh Thái Nguyên - một trong những địa phương trồng và có sản lượng chè lớn nhất nước ta. Qua khảo sát của Nông Thị Dung (2018) đối với chuỗi cung ứng chè tỉnh Thái Nguyên, có đến 35% hộ trồng chè chưa tham gia hoạt động nào trong chuỗi cung ứng chè. 36% doanh nghiệp chưa có hoạt động nào trong chuỗi cung ứng. Số doanh nghiệp này hoạt động độc lập, thu gom chè một cách thụ động và chưa tham gia vào các hoạt động xúc tiến chung của chuỗi.

Do chưa có hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp và các hộ dân, nên việc chế biến, tiêu thụ chè của các doanh nghiệp còn bị động trong sản xuất và quản lý chất lượng, ảnh hưởng không tốt tới chất lượng sản phẩm chè tiêu thụ. Bên cạnh đó, do giá nguyên liệu không ổn định, nhiều khi xuống thấp khiến người trồng chè sử dụng thêm một số loại thuốc để kích thích cây chè tăng tốc độ sinh trưởng, giảm thời gian chờ đợi giữa các đợt thu hoạch. Cùng với tình trạng sử dụng thuốc tùy tiện, nồng độ cao hơn quy định, việc dùng thuốc ngoài danh mục được phép sử dụng trên chè là nguyên nhân chính dẫn đến dư lượng thuốc trên sản phẩm chè cao như hiện nay. Đây là lý do khiến thời gian qua, nhiều lô chè xuất khẩu bị đối tác cảnh báo hoặc trả về, bởi hàm lượng tạp chất và các chất không đạt tiêu chuẩn.

Theo nghiên cứu của Tô Linh Hương (2017), hộ nông dân trồng chè không có kiến thức cao liên quan tới xây dựng chuỗi giá trị toàn cầu và xây dựng thương hiệu chè sạch, chè theo tiêu chuẩn VietGAP

để nâng cao giá trị cho sản phẩm chè của mình. Điều này cũng lý giải tại sao chỉ có khoảng 3% số hộ nông dân, trang trại trồng chè tham gia vào chuỗi giá trị ngành hàng chè toàn cầu.

Đối với công tác xúc tiến thương mại, từ năm 2004, Hiệp hội Chè Việt Nam đã được Chính phủ giao chủ trì triển khai Chương trình thương hiệu Quốc gia Chè Việt Nam, nhãn hiệu CheViet đã được đăng ký và bảo hộ ở 73 quốc gia và vùng lãnh thổ, nhưng do không được triển khai triệt để, nên Chương trình gần như bị bỏ ngỏ.

Đó là chưa kể, doanh nghiệp chưa chú trọng xây dựng được thương hiệu, chưa có logo, nhãn mác, nhiều sản phẩm bán ra thị trường thế giới phải thông qua các thương hiệu nước ngoài. Đây là một bất lợi lớn, khiến sức cạnh tranh của mặt hàng chè trên thị trường thế giới còn yếu và chịu nhiều thiệt thòi. Không chỉ yếu trong việc xây dựng thương hiệu, công tác xúc tiến thương mại đối với mặt hàng chè nói riêng và nông sản nói chung của Việt Nam còn yếu kém.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Để thúc đẩy sản xuất chè theo chuỗi giá trị, thời gian tới cần chú trọng những giải pháp sau:

Về phía Nhà nước

Cần chuyên môn hóa bộ máy quản lý giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông để xây dựng và phát triển thành công chuỗi giá trị sản phẩm chè. Để sản phẩm chè đảm bảo chất lượng đồng bộ, tạo uy tín lâu dài với khách hàng và người tiêu dùng, các cơ quan chức năng cần tăng cường quản lý chất lượng vật tư đầu vào, quản lý thực thi quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu chè. Tạo điều kiện tốt nhất để các doanh nghiệp ngành chè có cơ hội tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm quảng bá hình ảnh, đưa sản phẩm đặc sản đến với thế giới.

Nhà nước cần đứng ra phân vùng nguyên liệu để các nhà máy có trách nhiệm với nông dân. Các ngành chức năng và chính quyền địa phương cần có định hướng để người trồng chè áp dụng khoa học, kỹ thuật vào trồng và chăm sóc chè theo hướng nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP. Đồng thời, phải có những

chính sách thiết thực để hỗ trợ, giúp đỡ người trồng chè tại địa phương khi có sự thay đổi, biến động về giá cả thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng ký kết hợp đồng với các hộ sản xuất chè về cung cấp số lượng chè, vừa đảm bảo lợi ích cho người trồng chè, vừa tăng hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp, do có nguồn cung ứng ổn định và an toàn. Ngoài ra, tổ chức điều tra nhu cầu tiêu thụ chè trong và ngoài nước để định hướng phát triển thị trường cho các doanh nghiệp.

Điều quan trọng là, cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về hoạt động sản xuất, thu mua, chế biến chè ở các địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về quy định của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, thu mua, chế biến chè trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, chế biến chè, tuân thủ thực hiện theo đúng quy định.

Về phía doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần tiếp tục nghiên cứu, thu thập các giống chè có chất lượng cao và năng suất tối ưu cho từng vùng sinh thái cụ thể trong bối cảnh biến đổi khí hậu để từng bước trồng thay thế giống chè cũ có năng suất và chất lượng thấp. Đồng thời, nghiên cứu, ứng dụng chế độ canh tác phù hợp với trình độ và điều kiện của các hộ trồng chè nhằm tăng năng suất chè và mang lại hiệu quả tối ưu cho người trồng chè. Trong đó, chú trọng nghiên cứu các loại phân bón hữu cơ thay thế phân chuồng ngày càng khan hiếm, sử dụng các loại phân vô cơ hợp lý, an toàn và bền vững cho cây chè.

Trong chế biến chè, cần áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật của các cơ sở chế biến chè theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn; quy chuẩn của từng loại cơ sở chế biến lớn, vừa và nhỏ cho từng loại công nghệ chế biến (chè đen OTD, chè đen CTC, chè xanh sao suốt, chè xanh Paochung, chè Ô Long, chè vàng...). Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; Nghiên cứu công nghệ chế biến chè tối ưu trong điều kiện hái bằng máy; Cải tiến hệ thống lò nhiệt đốt bằng than sang đốt bằng củ ở những nơi có điều kiện; Nghiên cứu giải pháp công nghệ tiết kiệm năng lượng điện trong tất cả các khâu của quá trình chế biến; Chú ý đến chất lượng và an toàn bao bì của sản phẩm chè.

Trong tiêu thụ chè, các doanh nghiệp phải tự mình xây dựng chiến lược phát triển thị trường. Có các giải pháp xúc tiến thương mại khoa học và hiệu quả; Thiết lập được hệ thống phân phối ổn định; Chú trọng chế biến sâu, sản phẩm đóng gói nhỏ, có thương hiệu. Từng bước thiết lập được các kênh phân phối ổn định, chú ý đến việc thiết lập kênh phân phối qua siêu thị trong và ngoài nước khi đủ điều kiện; tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Cùng với việc nâng cao chất lượng, doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng thương hiệu đối với sản phẩm chè.

Về phía nông dân

Hộ trồng chè cần chủ động chuyển đổi trồng các loại giống chè cho năng suất cao, chất lượng phù hợp với nhu cầu của thị trường. Cải tạo vườn chè cũ, năng suất thấp, giống kém, chất lượng thấp. Bên cạnh đó, hộ trồng chè cần thực hiện đúng quy trình sản xuất về giống, chăm sóc, bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, bảo quản chè. Hộ trồng chè cũng cần thay đổi định hướng theo nhà xuất khẩu để liên kết xây dựng dòng sản phẩm chè sạch, chè hữu cơ. Liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ chè. Ngoài ra, cần chủ động hợp tác với các nông hộ khác để tăng hiệu quả qua việc tham gia các liên kết như hợp tác xã, tổ hợp tác. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Hải quan (2018). *Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và 12 tháng năm 2017*
2. Tổng cục Hải quan (2018). *Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 6 và 6 tháng năm 2018*
3. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám Thống kê năm 2017*, Nxb Thống kê
4. Nông Thị Dung (2018). Tăng cường tính liên kết trong chuỗi cung ứng chè tỉnh Thái Nguyên, *Tạp chí Công Thương*, Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ số 5 + 6, tháng 4/2018
5. Tô Linh Hương (2017). *Chuỗi giá trị toàn cầu ngành chè và sự tham gia của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
6. Lê Thúy (2017). *Xuất khẩu chè Việt: Khối lượng đứng cao, giá trị xếp thấp*, truy cập từ <https://thoibaokinhdoanh.vn/viet-nam/xuat-khau-che-viet-khoi-luong-dung-cao-gia-tri-xep-thap-1024703.html>
7. Nguyễn Minh (2018). *Nâng chất lượng chè xuất khẩu*, truy cập từ <http://thoibaonganhang.vn/nang-chat-luong-che-xuat-khau-74417.html>